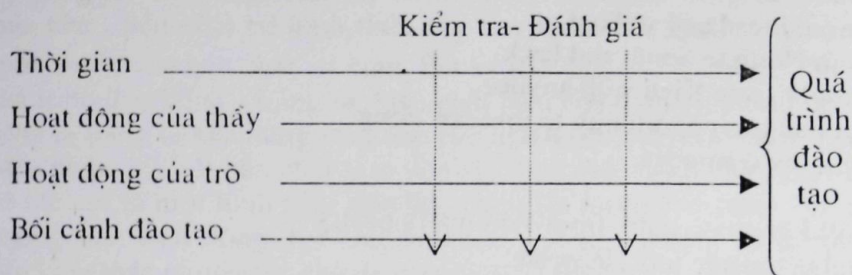


SUY NGHĨ VỀ KIỂM TRA- ĐÁNH GIÁ VÀ QUÁ TRÌNH DẠY-HỌC NGOẠI NGỮ

NGUYỄN XUÂN THƠM, MA (TEFL)
BM Ngôn ngữ Chuyên ngành, Khoa Anh

Chúng tôi hình dung mối quan hệ giữa kiểm tra- đánh giá (KT-ĐG) và quá trình đào tạo có một cái gì đó giống như quan hệ giữa một bộ phim và một bức ảnh chụp nhanh (snap shot) rút từ bộ phim đó. Quá trình đào tạo là một diễn trình xảy ra trong không gian và thời gian, gồm hàng loạt các sự kiện tương tác lẫn nhau. KT-ĐG là một hành động mang tính thời điểm.



1. KT-ĐG VÀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Sự chuyển hướng sang phương châm lấy người học làm trung tâm có cơ sở lý luận ở chỗ coi người học là chủ thể nhận thức, một chủ thể động, sáng tạo và giàu tính thích nghi. Nó khác với quan điểm cũ trong đào tạo (như quan điểm của Tyler) coi người học là đối thể tĩnh và người dạy mới là chủ thể động kích hoạt các đối thể tham gia quá trình đào tạo theo một mô hình tuyến tính: thầy dạy - trò học; thầy trao kiến thức - trò nhận kiến thức, rồi thầy kiểm tra cái mình dạy theo các mục tiêu tự thầy đặt ra từ đầu khoá học. Một khi ta lấy người học làm trung tâm thì phải định lượng và định tính kiến thức theo chuẩn động - xuất phát từ nhu cầu của người học chứ không xuất phát từ chuẩn tĩnh, theo kinh kệ, bài bản của thầy.

Định lượng kiến thức là gì? Đó là việc xác định dung lượng nội dung truyền đạt. Trong ngữ học ứng dụng, các nhà nghiên cứu ưa dùng thuật ngữ *lượng đầu vào* (input quantity), trong đó đầu vào là *language data exposed to the learners*, các dữ liệu ngôn ngữ mà người học được tiếp xúc.

Định tính kiến thức là gì? Đó là việc sắp xếp lượng đầu vào theo trình tự từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp, cái mà David Nunan gọi là *input grading*. Tuy nhiên cái gì là đơn giản, cái gì là phức tạp trong ngôn ngữ vẫn là câu hỏi chưa có câu trả lời thống nhất.

Chuẩn động là gì? Như đã nói, chuẩn động là chuẩn xuất phát từ nhu cầu người học. Học ngoại ngữ muốn thuở là học ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, những phạm trù, theo quan niệm của các nhà lý luận ngôn ngữ, có biến động theo lịch sử nhưng phải tính đến hàng đơn vị từ 100 năm trở lên. Vậy chỉ còn một yếu tố quyết định tính động trong định chuẩn là tính chủ đề giao tiếp. Đơn vị thay đổi thời gian của chủ đề giao tiếp tính bằng thập kỷ, có khi bằng năm. Đối với người Việt nam, một trong những chủ đề quan tâm trong những năm qua là chủ đề chiến tranh và sau đó là chủ đề đổi mới kinh tế trong thời kỳ chuyển đổi. Chúng tôi không đồng nhất chủ đề với môn học. Ví dụ văn học, không nên nói chung chung: chủ đề văn học. Trong văn học có rất nhiều chủ đề, có những chủ đề cách nay bốn thế kỷ như "To be or not to be", có những chủ đề của hôm nay, như suy nghĩ của người Mỹ về cuộc chiến tranh Việt nam.

A PORTER ON THE TRAIL

In 1966
when I started down the trail
I carried a copy of
The Poems of Walt Whitman
in my rucksack.

I am not a learned man
and I know only
two poems by heart
"Kim Van Kieu" and
"Song of Myself".

I would read as I walked
from North to South and back
I could share Kieu with anyone,
but had less opportunity to discuss "Song"
with my comrades.

Still I drew strength from Whitman's poetry
and optimistic too. He wrote,
"All goes onward and outward ..." and
"To die is different from what anyone supposed,
and luckier".

I wondered
how a nation
that gave birth to Whitman
could also produce
napalm and Agent Orange

He wrote
"This is the grass that grows
wherever the land is and the water is,
This is the common air
that bathes like globe".

One day near Khe Sanh, we captured an GI.
I was excited, and asked him about
"Song of Myself"
But the American said
He'd never heard of Walt Whitman.

(Rothmann, 1990, in: Vietnam War in American Stories, Songs and Poems by Bruce Franklin (ed.), Boston: Bedford Books of St Martin's Press, 1996)

Các chủ đề mang tính biến động và vì chúng biến động nên chúng thu hút chú ý của người học và góp phần tạo ra hứng thú.

KT-ĐG ngôn ngữ theo chủ đề hiện chưa có các giải pháp lý thuyết và thực tế. Các nhà nghiên cứu dường như mới chỉ định hướng chuyển từ KT-ĐG bài mục (discrete point testing) sang KT-ĐG tổng hợp (integrative testing). Nói cách khác, KT-ĐG chuyển từ "tập trung chú ý vào điểm của bài giảng trong một lần kiểm tra" (Oller, 1979, P.37) sang "nỗ lực đánh giá khả năng của người học sử dụng đồng thời *nhiều nguồn năng lực*" (NXT nhấn mạnh) (Oller, 1979, p.37) (trong *nhiều nguồn năng lực* đó có nguồn lực chủ đề). Các tài liệu hướng dẫn thực hiện kiểm tra đánh giá khả năng sử dụng đồng thời nhiều nguồn năng lực của người học hiện chưa có nhiều.

Chúng tôi ở BM ngôn ngữ chuyên ngành. Trong nhiều hội nghị khoa học, chúng tôi thường được hỏi bộ môn chúng tôi dạy kinh tế, tài chính- ngân hàng v.v... hay là dạy tiếng? Những câu hỏi như thế cho thấy sự băng khoăn về tiềm năng của nguồn lực chủ đề trong dạy tiếng, về quan hệ hình thức -nội dung trong giao tiếp, về ngữ năng và khả năng ngữ dụng trong ngôn ngữ học. Thực ra, về tư duy lý luận, nên quan niệm rằng "Hình thức là có tính bản chất. Bản chất có hình thức này hay hình thức khác. Vô luận thế nào hình thức cũng phụ thuộc vào bản chất" (Lênin, Bút ký triết học, Nxb. Sự thật 1970, tr. 157). Áp dụng vào quá trình dạy tiếng, chúng tôi hiểu phát biểu của Lênin như sau: bản chất của quá trình dạy tiếng là trang bị khả năng giao tiếp cho người học, các hình thức chủ đề vô luận thế nào cũng đều phản ánh cái bản chất giao tiếp ấy. Khai thác nguồn lực chủ đề trong dạy tiếng, vì thế, có thể coi là một hình thức đòn bẩy cho chất lượng dạy tiếng. Và chủ đề, như đã nói, luôn mang tính chất động. KT-ĐG, nếu muốn phát huy chức năng *backwash* của nó, cần tính đến khai thác nguồn lực chủ đề một cách hệ thống hơn, cập nhật hơn.

Phương châm lấy người học làm trung tâm gắn chặt với sự lựa chọn chủ đề vì rõ ràng phương châm này coi người học vừa là chủ thể, vừa là đối tượng của quá trình đào tạo.

Như một hệ quả, phương châm lấy người học làm trung tâm có quan hệ mạnh mẽ với phương hướng thực hành giao tiếp, lấy mục tiêu giảng dạy là trang bị cho người học phương thức sử dụng ngôn ngữ trong văn cảnh. GHP truyền thống nhấn mạnh đến dạy "cái gì" (the what); câu tường thuật, câu nghi vấn, câu mệnh lệnh, ... GHP mới nhấn mạnh đến cái "thế nào" (the how), đến phương thức sử dụng các hành vi ngôn ngữ trong giao tiếp.

A : There's the telephone (1)

B : I'm in the bath (2)

A: OK (3)

Widdowson, trong cuốn "Dạy ngôn ngữ giao tiếp" nhấn mạnh: phát ngôn (1) có chức năng của câu cầu khiến, mặc dù về hình thức nó là một câu tường thuật. Câu (2) có chức năng của một lời xin lỗi mặc dù nó không chứa mệnh đề chỉ sự xin lỗi. Câu (3) có chức năng chấp nhận và cam kết mặc dù nó không chứa các mệnh đề chỉ sự chấp nhận và cam kết.

Nghiên cứu diễn ngôn với tư cách sự hiện thân của quá trình/sự kiện giao tiếp trong các thập kỷ qua đã có những thành tựu lớn. Song các nghiên cứu về KT-ĐG theo định hướng giao tiếp, tiếc rằng, chưa có nhiều. Một cách mơ hồ, các nhà nghiên cứu mới đề cập đến việc "KT-ĐG là KT "ngôn ngữ hành chức" (language in use) chứ không phải KT các qui tắc ngôn ngữ. Dù sao, đây cũng là một thừa nhận: KT-ĐG phải gắn liền với nội dung quá trình giảng dạy và đào tạo.

2. TÍNH ĐỊNH LƯỢNG.

Quá trình đào tạo là một quá trình tuyến tính, mang tính chất tích hợp kiến thức - kỹ năng theo tính chủ động của người học. Người học tạo ra "*cầu*" cho quá trình đào tạo. Sự thoả mãn "*cầu*" của người học tạo ra "*độ thoả dụng*" cho người học và "tính ích lợi" cho xã hội. *Độ thoả dụng* là một khái niệm động, đòi hỏi sự định hướng nó phải mang tính nguyên

tắc, nguyên tắc căn cứ vào "đầu vào". Các biểu hiện vi phạm nguyên tắc định hướng trong KT-ĐG bao gồm:

* KT-ĐG kiến thức - kỹ năng vượt thời gian: người học không có đầu vào, hoặc chưa được học. Người học mới ở cây số 2 trên con đường đi tới đích họ đã bị kiểm tra kinh nghiệm và kiến thức trong vận động ở đoạn từ cây số 3 sang cây số 4. Tính vừa sức bị vi phạm một cách hoặc vô tình, hoặc hữu ý. Người ra đề lấy bản thân mình làm trung tâm và có cảm giác mình là yếu tố trung tâm, là "thượng đế" của thị trường đào tạo, là người kích cầu cho các lò, các khoá, các lớp luyện thi.

* KT kiến thức - kỹ năng ngược thời gian. Người học đang ở cây số 4 thì họ hỏi kinh nghiệm của họ lúc họ vận động từ cây số 1 sang cây số 2. Nói cách khác, họ KT đầu vào "cũ", cũ về kiến thức ngôn ngữ, về chủ đề, văn cảnh, tình huống.

Định hướng KT-ĐG kiến thức- kỹ năng của người học cần được xác định theo tính tuyến tính của quá trình đào tạo. Cơ sở định lượng kỹ năng để KT-ĐG phải là sự định lượng của chính quá trình đào tạo.

3. TÍNH ĐỊNH TÍNH

Tính định tính của KT-ĐG quan hệ chặt chẽ với tính định lượng theo nguyên tắc lượng đổi thì chất đổi. Chất chính là phần lượng được sử dụng hữu ích, là kết tinh của lao động giảng dạy - học tập của thầy-trò được xác định tại một thời điểm nhất định trong quá trình đào tạo. Lê nin, trong "tuyệt bút Triết học" có nói, đại ý: tổng của + (cộng) và - (trừ) là zero. Nhưng không có gì đang tồn tại lại xuất phát từ zero. Một nhận thức thông thường: Mọi vật không tự nhiên sinh ra, cũng không tự nhiên mất đi.

KT-ĐG định tính chính là KT hiệu quả của quá trình đào tạo. Có những hiệu quả = (bằng) zero vì người đào tạo + (cộng), còn người KT-ĐG thì - (trừ). Nhưng + và - không tự nhiên sinh ra, chúng xuất phát từ những không ăn khớp giữa KT-ĐG và đào tạo.

Tài liệu tham khảo chính

Heaton: Writing Language Tests, Prentice Hall International, 1996.

Widdowson: Teaching Language As Communication, OUP 1986.